

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dũng - bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: ông Đào Quang Sáng - Chức vụ: Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình” thụ lý số: 424/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2024/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 199/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 2004. *Có mặt*

Địa chỉ: Xóm Giai Thành, xã Hùng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 2000. *Vắng mặt lần thứ hai*

Địa chỉ: Xóm Tiên Trung, xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị và anh Trần Văn L kết hôn vào ngày 25/10/2022 tại UBND xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không phù hợp, áp lực về kinh tế dẫn đến rạn nứt tình cảm. Mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chưa có

- Về tài sản: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

+/ Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt thông báo hợp lệ cho anh L đến Tòa án giải quyết thông qua người thân có cùng nơi cư trú là bà Dương Thị Thu (mẹ đẻ anh L) và giao trách nhiệm cho bà Thu giao lại các văn bản tố tụng cho anh L. Bà Thu đã cam kết giao tận tay và anh L đã nhận được. Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải cũng như tại phiên tòa anh L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa

án không ghi được ý kiến của bị đơn anh L. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn chị H cung cấp thì về quan hệ hôn nhân, con chung đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của chị H Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân & Gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn anh L có hộ khẩu thường trú tại xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn anh L vắng mặt lần thứ 2, do đó căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Trần Văn L.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn L kết hôn vào 25/10/2022 tại UBND xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị H, anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ theo quy định của định pháp luật. Do đó hôn nhân giữa chị H, anh L là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính cách không phù hợp, áp lực về kinh tế dẫn đến rạn nứt tình cảm và đã sống ly thân. Sau khi thụ lý, Tòa án đã triệu tập, thông báo hợp lệ cho anh L nhưng anh L vắng mặt không có lý do, sau đó Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Dương Thị Thu là mẹ đẻ của anh L, bà Thu cam kết giao tận tay cho anh L, anh L đã nhận được tuy nhiên trong quá trình giải quyết anh L vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh L không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Mặt khác biên bản xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa anh L, chị H đã ly thân không thể hàn gắn được.

Xét mâu thuẫn giữa chị H, anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H cho chị H được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung. Chưa có

[3] Về tài sản: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51,56; của Luật Hôn nhân & Gia đình;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Trần Văn L.

- Về con chung: Chưa có

[2] Án phí: Căn cứ vào khoản 4, điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003064 ngày 01/10/2024, chị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận

- VKS H.Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND xã (ĐKKH)
- L hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nhung